

Số: /2022/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý dịch vụ công,
dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014 ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1829/TTr-SXD ngày 26 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị cung ứng dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh HB;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (BM).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chương

QUY ĐỊNH

Quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND

ngày tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho việc quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (sau đây gọi chung là sản phẩm, dịch vụ công). Các sản phẩm, dịch vụ công quy định tại Quy định này gồm:

1. Dịch vụ nạo vét duy trì hệ thống thoát nước đô thị.
2. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; vệ sinh công cộng đô thị.
3. Dịch vụ quản lý và chăm sóc, duy trì cây xanh, hoa cảnh đô thị; trồng mới, bổ sung cây xanh thay thế tại các tuyến đường nội thị.
4. Dịch vụ duy trì, sửa chữa, thay mới phụ kiện của hệ thống điện chiếu sáng trang trí, hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn trang trí và đèn tín hiệu giao thông đô thị.
5. Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị và các dịch vụ chỉnh trang đô thị thường xuyên khác (treo cờ, quét vôi, sơn đường).
6. Những nội dung về sản phẩm, dịch vụ công không quy định tại Quy định này thì được áp dụng các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xây dựng dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công; ủy quyền phê duyệt dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công

1. Phương pháp lập dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Xây dựng và hướng dẫn của Sở Xây dựng về xác định và quản lý chi phí dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(riêng phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công (Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ đầu tư, các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao làm chủ đầu tư quản lý sản phẩm, dịch vụ công) được phép thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm thực hiện lập, thẩm tra hồ sơ dự toán để phục vụ công tác thẩm định dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công của cơ quan chuyên môn.

2. Chi phí giám sát sản phẩm, dịch vụ công là các chi phí cần thiết cho việc thực hiện các công việc giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

3. Chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công là các chi phí cần thiết để đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công tổ chức thực hiện các công việc quản lý sản phẩm, dịch vụ công từ giai đoạn lập dự toán, thực hiện, kết thúc, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công.

4. Dự toán chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công được xác định bằng cách lập dự toán, căn cứ vào khối lượng, nội dung công việc, số lượng nhân lực, đặc điểm, điều kiện thực tế thực hiện, yêu cầu đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ công và khả năng cân đối ngân sách của cấp có thẩm quyền. Dự toán chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công được thẩm định, phê duyệt cùng dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công hằng năm.

5. Khối lượng của từng loại công tác sản phẩm, dịch vụ công được xác định theo kế hoạch thực hiện do đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công tiến hành lập và phê duyệt kế hoạch làm cơ sở lập dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công.

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công lập dự toán và phương thức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn trình cơ quan, chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định trước ngày 30 tháng 9 hằng năm (của năm trước năm tổ chức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công).

7. Giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thẩm định dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công; dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh và thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt trong một số trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành đối với dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công.

9. Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công, đơn vị được

giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công theo quy định hiện hành.

10. Thời gian thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ công

a) Thời gian thẩm định: không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thời gian phê duyệt: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 4. Lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

Lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng trong trường hợp các gói thầu thuộc danh mục quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Quy định này không đáp ứng được các điều kiện về đấu thầu.

Điều 5. Điều kiện, căn cứ trong trường hợp áp dụng phương thức đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Quy định này

a) Điều kiện đặt hàng: thỏa mãn các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

b) Căn cứ đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ công được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 1 của Quy định này

a) Điều kiện đặt hàng: Thỏa mãn các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Căn cứ đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Trường hợp đặt hàng đối với sản phẩm, dịch vụ công có tính đặc thù từ nguồn ngân sách trung ương (nếu có), thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có Quyết định phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công của cấp thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các

đơn vị được giao kinh phí thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định cụ thể:

a) Đấu thầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 21 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

b) Đặt hàng

- Hình thức đặt hàng: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công được giao làm chủ đầu tư quyết định đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng ký hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị nhận đặt hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) lập hồ sơ yêu cầu gửi đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công;

- Trên cơ sở hồ sơ yêu cầu, đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công lập hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) kiểm tra, xét hồ sơ đề xuất và lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) tổ chức ký hợp đồng với đơn vị cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công đã được lựa chọn tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đã được ký kết, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công đảm bảo đúng quy trình và yêu cầu theo quy định.

4. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết.

5. Khi kết thúc các nhiệm vụ theo hợp đồng, Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu các sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện và thanh lý hợp đồng với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

Điều 7. Phương thức nghiệm thu

1. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết.

2. Hồ sơ và thành phần nghiệm thu

a) Hồ sơ nghiệm thu

Sổ nhật ký, biên bản nghiệm thu. Nội dung nghiệm thu phải chi tiết cho từng sản phẩm, dịch vụ công, phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: khối lượng sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định của nhà nước.

b) Thành phần tham gia trong hồ sơ nghiệm thu

- Đối với công việc mang tính chất thường xuyên

+ Nghiệm thu theo ngày bằng hình thức sổ nhật ký: đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tự tổ chức ghi sổ nhật ký và nghiệm thu nội bộ.

+ Nghiệm thu tháng: gồm cán bộ giám sát của chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng sản phẩm, dịch vụ công (mời đại diện của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sở tại nếu thấy cần thiết).

+ Nghiệm thu định kỳ hàng quý, nghiệm thu theo công việc phát sinh:

Đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp huyện: Lãnh đạo phòng Quản lý đô thị (Kinh tế và Hạ tầng) chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) có liên quan, các phòng, ban đơn vị có liên quan và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được giao kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công: Lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc chủ đầu tư chủ trì phối hợp với các phòng, ban đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn quản lý dự án (nếu có) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao làm chủ đầu tư: gồm đại diện chủ đầu tư (thủ trưởng đơn vị và cán bộ giám sát) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công và đại diện Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nếu cần thiết.

+ Nghiệm thu giá trị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công hàng năm:

Đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp huyện: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đại diện đơn vị thực hiện Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công để tổ chức nghiệm thu; thành phần gồm: Phòng Quản lý đô thị (Kinh tế và Hạ tầng), Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban đơn vị có liên quan và đại diện Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nếu cần thiết.

Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được giao kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công: Lãnh đạo đơn vị chủ trì, phối hợp với đại diện đơn vị thực hiện dịch vụ công ích, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và các phòng, ban chuyên môn trực thuộc chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án (nếu có) để tổ chức nghiệm thu.

Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao làm chủ đầu tư: Gồm đại diện chủ đầu tư (thủ trưởng đơn vị và cán bộ giám sát) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và đại diện Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nếu cần thiết.

- Đối với công việc mang tính chất không thường xuyên

Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với đơn vị thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tổ chức nghiệm thu theo tiến độ hoàn thành sản phẩm, dịch vụ công; thành phần tham gia nghiệm thu gồm: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị); lãnh đạo phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) và đại diện Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nếu cần thiết.

c) Yêu cầu trong công tác nghiệm thu

Nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm và kịp thời, các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

3. Thời gian nghiệm thu

a) Đối với công việc mang tính chất thường xuyên

- Nghiệm thu hàng tháng: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý;

- Nghiệm thu hàng quý: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề tháng cuối quý;

- Nghiệm thu năm: Nghiệm thu vào tuần đầu tiên của năm tiếp theo trên cơ sở hợp đồng đã ký (thời gian để tính 01 năm bắt đầu từ ngày ký hợp đồng).

b) Đối với công việc mang tính chất không thường xuyên: Theo tiến độ hoàn thành công việc.

Điều 8. Nguyên tắc tạm ứng, thanh toán, quyết toán

Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 32/NĐ-CP và theo các quy định hiện hành về hợp đồng của nhà nước.

Điều 9. Xử lý các trường hợp phát sinh khối lượng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công

1. Trường hợp phát sinh khối lượng sử dụng ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối: Ủy ban nhân dân cấp huyện tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Trường hợp phát sinh khối lượng sử dụng ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) tổ chức lập dự toán, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 3 Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định để triển khai thực hiện. Thời gian lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện tại thời điểm phát sinh khối lượng, công việc.

3. Trường hợp phát sinh khối lượng cần điều chỉnh cơ cấu nhưng không vượt dự toán đã được duyệt, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công thực hiện lập, thẩm định theo trình tự quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn các cơ quan được giao quản lý vốn ngân sách cho công tác sản phẩm, dịch vụ công trong việc quản lý chi phí sản phẩm, dịch vụ công về áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công tại Điều 1

Quy định này trên địa bàn tỉnh (trừ dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những đơn giá chưa có trong hệ thống đơn giá sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh (trừ dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

3. Phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình thẩm định dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công theo khoản 7 Điều 3 của Quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc tổ chức ký hợp đồng và thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công do các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công triển khai (trừ dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; các Sở, ban ngành và các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công phê duyệt dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thẩm định dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công theo khoản 7 Điều 3 của Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chế độ chính sách trong lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh, cho ý kiến bằng văn bản về phương thức thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình thẩm định, cho ý kiến bằng văn bản về phương thức thực hiện các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc tổ chức ký hợp đồng và thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công do Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) triển khai đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình thẩm định, cho ý kiến bằng văn bản về phương thức thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn do cấp mình quản lý.
2. Trình cấp có thẩm quyền giao dự toán thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công có sử dụng nguồn ngân sách tỉnh trên địa bàn tỉnh theo quy định.
3. Phê duyệt quyết toán thực hiện sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.
4. Giao phòng, ban chuyên môn làm chủ đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập dự toán và phương thức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định thực hiện theo các quy định tại khoản 7, Điều 3 Quy định này.
5. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và giao dự toán chi phí dịch vụ công ích, giao dự toán thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn quản lý.
6. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện, phê duyệt dự toán chi tiết, giá gói thầu; tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo Điều 6 Quy định này.
7. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các sản phẩm, dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.
8. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.
9. Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về chấp hành và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, các quy định của địa phương về vệ sinh môi trường đô thị.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị được giao kinh phí để thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công

1. Lập kế hoạch thực hiện sản phẩm, dịch vụ công để triển khai thực hiện.
2. Lập dự toán và phương thức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Quy định này.
3. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện, phê duyệt dự toán chi tiết, giá gói thầu; tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công.

4. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đối với nội dung công việc được giao quản lý, thực hiện.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng và thường xuyên về công tác vệ sinh môi trường đô thị để xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và văn minh. Chỉ đạo các bản, tiểu khu, tổ dân phố đưa nội dung chấp hành quy định về vệ sinh môi trường đô thị vào các cuộc họp thường xuyên của bản, tiểu khu, tổ dân phố.

2. Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công để thống nhất quy định thời gian, địa điểm đổ rác, dụng cụ đựng rác thải sinh hoạt trên địa bàn, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan đô thị.

3. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn.

4. Phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn.

5. Tham gia công tác nghiệm thu các sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.

2. Thực hiện theo kế hoạch và hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công hàng tháng, quý, năm do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đô thị.

5. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) trong quá trình thực hiện cung ứng các dịch vụ công ích. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (các đơn vị) những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn.

6. Thống nhất với chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) để quy định cụ thể về vị trí, địa điểm, thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

7. Tổ chức triển khai thu giá đối với các sản phẩm, dịch vụ công khi được cấp có thẩm quyền quy định bằng văn bản.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Xử lý chuyển tiếp

a) Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, sản phẩm, dịch vụ công đã được đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu thực hiện trước

ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định quản lý dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh cho đến khi thanh lý hợp đồng đặt hàng, đấu thầu.

b) Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đang trong quá trình thực hiện lựa chọn đơn vị thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì các bước tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH